PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

Thông tư số 36/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 17/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc mở, sử dụng tài khoản; đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư Việt Nam sau khi được phép đầu tư ra nước ngoài và việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các nhà đầu tư Việt Nam (sau đây gọi là "nhà đầu tư") gồm người cư trú là tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng) và cá nhân được thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các nhà đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.

2. Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ (sau đây gọi là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp) là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư mở tại một tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

---

[1] Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản có căn cứ pháp lý ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản."

3. Đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mở tại tổ chức tín dụng được phép để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (sau đây gọi là đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn).

4. Đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài là việc nhà đầu tư sau khi đã đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn với Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, phải làm thủ tục đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi là đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn).

5. Xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Thông tư này.

6. Xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn là việc Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản xác nhận nhà đầu tư đã thực hiện đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Thông tư này.

Chương II
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP

Điều 4. Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một tổ chức tín dụng được phép và thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Chương III Thông tư này.

2. Mọi giao dịch chuyển ngoại tệ từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải được thực hiện thông qua tài khoản này.

3. Nhà đầu tư có nhiều dự án đầu tư ở nước ngoài phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt cho từng dự án.

4. Trường hợp dự án đầu tư ở nước ngoài có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư, mỗi nhà đầu tư phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt tại cùng 01 tổ chức tín dụng được phép để chuyển ngoại tệ trong phạm vi giá trị vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

5. Khi có nhu cầu mở tài khoản tại một tổ chức tín dụng được phép khác, nhà đầu tư thực hiện các bước sau:

a) Nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng được phép mới và thực hiện đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Chương III Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm sao gửi văn bản xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư cho tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang sử dụng tài khoản;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư phải thực hiện việc đóng và chuyển toàn bộ số dư của tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đang sử dụng sang tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép mới. Tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp có trách nhiệm tất toán tài khoản cho nhà đầu tư và không cho phép nhà đầu tư sử dụng tài khoản này để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều 5 Thông tư này sau thời hạn nói trên;

c) Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại tổ chức tín dụng mới chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu chi quy định tại Điều 5 Thông tư này sau khi hoàn tất các thủ tục nêu tại Điểm a, b Khoản này.

Điều 5. Các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi sau đây:

1. Các giao dịch thu:

a) Thu từ tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;

b) Thu từ nguồn ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

c) Thu từ nguồn ngoại tệ đi vay (bao gồm các khoản vay trong và ngoài nước) phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

d) Thu từ lợi nhuận chuyển về nước từ hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

đ) Thu vốn bằng ngoại tệ đã đầu tư về Việt Nam khi giảm vốn, thanh lý hoặc kết thúc hoạt động đầu tư ở nước ngoài;

e) Thu nợ gốc và lãi của các khoản cho vay cổ đông đối với dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

g) Các giao dịch thu khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài;

b) Chi cho vay cổ đông đối với dự án đầu tư ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

c) Chi chuyển ngoại tệ vào tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư;

d) Các giao dịch chi khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Chương III
ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP, TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Thẩm quyền xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn

1. Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư khác không phải là tổ chức tín dụng.

Điều 7. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn

1. Sau khi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và trước khi thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính, nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú một (01) bộ hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn ra nước ngoài theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn để làm cơ sở cho nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở tại tổ chức tín dụng được phép.

4. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn

Hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn bao gồm:

1. Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này);

2.[2] Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư bao gồm: Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với nhà đầu tư là tổ chức); Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3.[3] Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của nhà đầu tư về tính chính xác của bản sao và bản dịch) văn bản chấp thuận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc các giấy tờ khác thể hiện dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

5. Bản chính văn bản về tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của dự án do nhà đầu tư lập.

6. Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

Điều 9. Đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn

1. Trường hợp thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp so với nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, sau khi mở tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép mới và trước khi thực hiện chuyển ngoại tệ ra, vào qua tài khoản mới này, nhà đầu tư có trách nhiệm đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để làm cơ sở chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

2. Trường hợp thay đổi liên quan đến quy mô vốn đầu tư, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài so với nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, trước khi thực hiện nội dung thay đổi, nhà đầu tư có trách nhiệm đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để làm cơ sở chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

Điều 10. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn

1. Trường hợp phát sinh thay đổi về tài khoản, tiến độ chuyển vốn quy định tại Điều 9 Thông tư này, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Ngân hàng nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối việc đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn.

4. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo lý do.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn

1. Hồ sơ đăng ký đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bao gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này);

b) Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp;

c) Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số dư tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi.

2. Hồ sơ đăng ký đối với trường hợp thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này);

b) Văn bản giải trình của nhà đầu tư về lý do các nội dung cần thay đổi, kèm các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có);

c) Bản dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư mới của dự án do nhà đầu tư lập;

d)[4] Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trong trường hợp dự án đầu tư được điều chỉnh quy mô vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, các bên tham gia đầu tư và tỷ lệ góp vốn, hình thức góp vốn). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính;

đ) Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư đang mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp về số tiền đã chuyển ra nước ngoài đến thời điểm phát sinh thay đổi;

e)[5] Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu chứng từ chứng minh việc thực hiện chuyển vốn bằng các giá trị góp vốn khác theo tiến độ đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Hồ sơ đăng ký đối với trường hợp thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bao gồm: các thành phần hồ sơ nêu tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

Chương IV
CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ

Điều 12. Nguyên tắc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí có nhu cầu chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư để nghiên cứu, chuẩn bị dự án dầu khí theo các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí phải đăng ký việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) và được Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc đăng ký bằng văn bản trước khi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện thông qua 01 tài khoản ngoại tệ mở tại 01 tổ chức tín dụng được phép.

3. Sau khi dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, tài khoản ngoại tệ quy định tại Khoản 2 Điều này được sử dụng là tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định tại Chương III Thông tư này.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo đúng mục đích đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước, chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, quy định về quản lý ngoại hối và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 13. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 12 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước xem xét hồ sơ, trường hợp cần thêm thông tin để đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của nhà đầu tư.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xác nhận việc đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước

ngoài để làm cơ sở cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí

Hồ sơ đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí bao gồm:

1. Đơn đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này).

2.[6] Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Bản giải trình của nhà đầu tư về nhu cầu chuyển ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư kèm các văn bản chứng minh các hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí;

4. Bản chính quyết định của đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư về số ngoại tệ chi phí cho các hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài, tiến độ chuyển ngoại tệ dự kiến.

Chương V
CHUYỂN LỢI NHUẬN, THU NHẬP HỢP PHÁP VÀ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP Ở NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Điều 15. Chuyển lợi nhuận, chuyển vốn đầu tư về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển lợi nhuận; chuyển vốn đầu tư về nước sau khi thanh lý, giải thể, giảm quy mô vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư.

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

2. Lợi nhuận, vốn đầu tư và các khoản thu vốn đầu tư về nước trong trường hợp thanh lý, giải thể, giảm quy mô vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư phải được chuyển vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư dự án ở nước ngoài

1. Trường hợp muốn sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư trực tiếp chính dự án đang đầu tư, nhà đầu tư phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương VII Thông tư này.

2. Trường hợp muốn sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư ở nước ngoài để tái đầu tư vào dự án khác ở nước ngoài, nhà đầu tư phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho dự án đầu tư mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành và phải đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương III Thông tư này.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Tuân thủ các quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, thực hiện việc chuyển vốn ra, vào lãnh thổ Việt Nam và các nội dung liên quan đến đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo các quy định tại Thông tư này.

2. Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp chỉ được sử dụng sau khi có văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển vốn theo quy định tại Chương III Thông tư này trừ trường hợp thay đổi nơi mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Chương II Thông tư này.

3. Khi thực hiện các giao dịch thu, chi ngoại tệ thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư có trách nhiệm liệt kê chi tiết các nguồn thu, chi ngoại tệ theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng được phép.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đúng với các mục đích đã thông báo với tổ chức tín dụng và đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Xuất trình các giấy tờ, chứng từ có liên quan theo yêu cầu của tổ chức tín dụng được phép khi thực hiện các giao dịch chuyển ngoại tệ ra, vào Việt Nam thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

6. Tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại Chương VII Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép

1. Thực hiện đóng, mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo đề nghị của nhà đầu tư phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Chỉ thực hiện việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo yêu cầu của nhà đầu tư khi nhà đầu tư xuất trình văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển vốn của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp cho nhà đầu tư theo quy định tại Chương III Thông tư này và các chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư trong lĩnh vực dầu khí nhà đầu tư xuất trình văn bản xác nhận việc đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định tại Chương IV Thông tư này và các chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện việc liệt kê chi tiết các nguồn thu, chi ngoại tệ trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định tại Chương II Thông tư này.

6. Theo dõi, ghi chép, thống kê số liệu chi tiết các giao dịch thu, chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của từng nhà đầu tư để thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương VII Thông tư này.

7. Hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

8. Trường hợp tổ chức tín dụng được phép đầu tư ra nước ngoài mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại chính tổ chức tín dụng đó, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; đôn đốc các nhà đầu tư trên địa bàn chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định tại Chương VII Thông tư này.

2. Tiếp nhận, xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại Chương III Thông tư này. Thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo mẫu tại Phụ lục 4, 5 của Thông tư này.

3. Thực hiện sao gửi các văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn của các đối tượng nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) định kỳ hàng tháng chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo tháng báo cáo.

4. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn nhằm đáp ứng việc thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương VII Thông tư này.

5. Thường xuyên giám sát, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối của nhà đầu tư trên địa bàn.

Điều 20. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề chung liên quan đến việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong phạm vi Thông tư này.

2. Tiếp nhận, xử lý việc đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho nhà đầu tư theo thẩm quyền được quy định tại Chương III và IV Thông tư này.

3. Thực hiện sao gửi văn bản xác nhận đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực dầu khí cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài), Bộ Công thương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư có trụ sở chính để phối hợp theo dõi và quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài của lĩnh vực dầu khí.

4. Thực hiện sao gửi văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức tín dụng có trụ sở chính ngay sau khi thực hiện việc xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn cho nhà đầu tư là tổ chức tín dụng.

5. Tổng hợp báo cáo của hệ thống tổ chức tín dụng và Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo chế độ báo cáo thống kê hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Chế độ báo cáo đối với tổ chức tín dụng được phép

Tổ chức tín dụng được phép nơi nhà đầu tư mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp phải báo cáo tình hình thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư

theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 22. Chế độ báo cáo đối với nhà đầu tư

1. Định kỳ hàng quý (chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo), nhà đầu tư phải báo cáo tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư này) cho từng dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở chính, nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú.

2. Trường hợp chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư trong lĩnh vực dầu khí phải có văn bản báo cáo tình hình chuyển ngoại tệ ra nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) kèm chứng từ giao dịch của tổ chức tín dụng được phép trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi hoàn tất giao dịch chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 23. Chế độ báo cáo đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phải báo cáo về tình hình xác nhận đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn, tình hình thực hiện chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư trên địa bàn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 24. Yêu cầu báo cáo đột xuất

Các trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng được phép và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 25. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và các cơ quan có liên quan tiến hành công tác kiểm tra tình hình thực chấp hành quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư và tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại Thông tư này. Nhà đầu tư, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm cung cấp mọi văn bản, tài liệu cần thiết để việc kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân và tổ chức tín dụng là nhà đầu tư và tổ chức tín dụng được phép nếu vi phạm các quy định của Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 02 năm 2014.

2. Các văn bản, quy định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam;

- Thông tư số 04/2005/TT-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung khoản 6 Mục III Thông tư số 01/2001/TT-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

- Điều 11 Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

---

[7] Điều 21 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016 quy định như sau:

*"**Điều 21. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

- Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./."

Phụ lục số 01

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối)
hoặc **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố...**

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....;

Căn cứ vào văn bản quy định tiến độ góp vốn đầu tư của dự án hoặc dự kiến tiến độ góp vốn đầu tư của {*Tên nhà đầu tư*};

{*Tên nhà đầu tư*} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức*}
- Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:..... {*đối với nhà đầu tư là cá nhân*}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,..... ở nước ngoài số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng*}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số..... ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....

- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:

+ Góp vốn bằng tiền:.....

+ Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực số:..... mở tại:.....

2. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý.... Năm.....			
2	Quý..... Năm.....			
.....	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {*Tên nhà đầu tư*}.

2. {*Tên nhà đầu tư*} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:
.....
.....

NHÀ ĐẦU TƯ

Phụ lục số 02

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ, TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)
Hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh/thành phố.....

Căn cứ các quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam;

Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày..../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số..... ngày.....;

Căn cứ các thỏa thuận, cam kết hoặc các tài liệu khác có liên quan về việc thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư (nếu có);

{*Tên nhà đầu tư*} đăng ký với Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố..... về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức*}
- Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:..... {*đối với nhà đầu tư là cá nhân*}
- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,..... ở nước ngoài số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng*}
- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....
- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số..... ngày.....
- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:…..
- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:

+ Góp vốn bằng tiền:.....

+ Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài.....):.....

II. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

1. Thay đổi về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

- Tài khoản hiện tại:..... Mở tại:

Số dư tài khoản:.....

Số tiền đã chuyển ra nước ngoài qua tài khoản:.....

- Tài khoản mới:..... Mở tại:

- Lý do thay đổi:.....

2. Thay đổi về kế hoạch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Kế hoạch hiện tại:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý.... Năm.....			
2	Quý.... Năm.....			
.....	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Kế hoạch chuyển vốn mới:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm....			
2	Quý.....Năm.....			
....	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Lý do thay đổi:.....

III. CAM KẾT:

1. Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {*Tên nhà đầu tư*}.

2. {*Tên nhà đầu tư*} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở, sử dụng; đăng ký và đăng ký thay đổi tài khoản ngoại tệ, tiến độ chuyển ngoại tệ để đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:
.....

NHÀ ĐẦU TƯ

Phụ lục số 03

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối)

Căn cứ Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí;

Căn cứ Nghị định số 17/2009/NĐ-CP ngày 16/02/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí;

Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Quyết định của đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư về số ngoại tệ chi phí cho các hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài;

1. {*Tên nhà đầu tư*} đăng ký với NHNN hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố..... về việc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư như sau:

- Tên nhà đầu tư:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Giấy phép kinh doanh số..... ngày.....
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án (quy USD):..... Trong đó Bên Việt Nam góp (quy USD):

+ Bằng tiền:.....

+ Bằng giá trị góp vốn khác (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài):..... {*chi tiết các hình thức góp vốn*}

Số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài:.....

- Thời gian dự kiến chuyển:.....
- Mục đích sử dụng:.....

- Tài khoản vốn đầu tư để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài số:..... mở tại:.....

2. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đăng ký nêu trên của {*Tên nhà đầu tư*}.

3. {*Tên nhà đầu tư*} cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số ...../2013/TT-NHNN ngày..../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ đính kèm: **NHÀ ĐẦU TƯ**

.....

.....

Phụ lục số 04

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **CHI NHÁNH.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /..... *V/v xác nhận đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn ra nước ngoài*	*Ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:.....

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Đơn kèm theo Hồ sơ đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của {*Tên nhà đầu tư*};

Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... xác nhận {*Tên nhà đầu tư*} đã đăng ký tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

1. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ:

- Tên nhà đầu tư:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....

- Giấy phép kinh doanh số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức*}

- Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:..... {*đối với nhà đầu tư là cá nhân*}

- Văn bản cho phép mở chi nhánh, văn phòng đại diện,..... ở nước ngoài số..... ngày..... {*đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng*}

- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số..... ngày.....

- Giấy phép của nước tiếp nhận đầu tư số..... ngày.....

- Tổng vốn đầu tư được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài:.....

- Giá trị góp vốn của Bên Việt Nam:....., Trong đó:

+ Góp vốn bằng tiền:.....

+ Góp vốn bằng giá trị góp vốn khác theo quy định của pháp luật (Máy móc, hàng hóa, sử dụng lợi nhuận tái đầu tư ở nước ngoài):..... {*chi tiết các hình thức góp vốn*}

2. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VỀ TÀI KHOẢN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ TIẾN ĐỘ CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ:

- Vốn đầu tư bằng tiền thực hiện thông qua tài khoản vốn đầu tư trực số:..... mở tại:.....

- Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý.... Năm.....			
2	Quý.... Năm.....			
....	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

3. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {*tên nhà đầu tư*} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

4. {*Tên nhà đầu tư*} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp về tính hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..., không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận {tên nhà đầu tư} đã đăng ký tài khoản và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại Điểm 1 và 2 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..... thông báo để *{Tên nhà đầu tư}* biết và thực hiện.

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- NHNN (để p/h);
- Tổ chức tín dụng được phép (để p/h);
- Lưu.....

Phụ lục số 05

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **CHI NHÁNH.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /..... *V/v xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn ra nước ngoài*	..... *ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:.....

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày..../..../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

Căn cứ Đơn kèm theo Hồ sơ đăng ký thay đổi tài khoản và tiến độ chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của {*Tên nhà đầu tư*};

Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh/thành phố..... xác nhận {*Tên nhà đầu tư*} đã đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài như sau:

1. Nội dung thay đổi về tài khoản vốn đầu tư trực tiếp:

- Tài khoản hiện tại:.....

- Tài khoản mới:.....

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh..... xác nhận đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, {*Tên nhà đầu tư*} có trách nhiệm đóng tài khoản hiện tại và chuyển toàn bộ số dư sang tài khoản mới theo công văn này. Đồng thời, tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hiện tại số.... mở tại:..... chấm dứt hiệu lực kể từ ngày tất toán tài khoản.

2. Nội dung thay đổi về kế hoạch chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:

- Kế hoạch hiện tại:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý.... Năm.....			
2	Quý....Năm.....			
...	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

- Kế hoạch chuyển vốn mới:

TT	Thời gian chuyển vốn dự kiến	Bằng tiền (quy USD)	Sử dụng lợi nhuận tái đầu tư (USD)	Bằng giá trị góp vốn khác (quy USD)
1	Quý....Năm.....			
2	Quý....Năm.....			
...	.....			

(Chi tiết theo giá trị góp vốn theo hình thức góp vốn)

3. Khi thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài, {*Tên nhà đầu tư*} phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư; đồng thời chấp hành nghiêm túc việc báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số...../2013/TT-NHNN ngày...../...../2013 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

4. {*Tên nhà đầu tư*} tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp về tính hiệu quả của số ngoại tệ đăng ký chuyển ra nước ngoài để thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố....không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý và tài chính nào ngoài việc xác nhận (tên nhà đầu tư} đã đăng ký thay đổi tài khoản, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung tại Điểm 1 và 2 của công văn này.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thông báo để {*Tên nhà đầu tư*} biết và thực hiện.

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- NHNN (để p/h);
- Tổ chức tín dụng được phép (để p/h);
- Lưu.....

Tên nhà đầu tư:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

(Quý..... năm.....)

Đơn vị tính: Nghìn USD

STT	Tên dự án	Năm cấp phép	Nước tiếp nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án theo GCNĐT	Vốn góp của Bên Việt Nam theo GCNĐT	Giá trị góp vốn kỳ báo cáo			Giá trị góp vốn lũy kế			Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp khác; chuyển về VN		Vốn đầu tư chuyển về nước		Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo		Ghi chú
						Bằng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Giá trị góp vốn khác	Bằng tiền	Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư	Giá trị góp vốn khác	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Kỳ báo cáo	Lũy kế	Bằng tiền	Giá trị góp vốn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	- Dự án 1																	
2	- Dự án 1																	
....	....																	
Tổng cộng																		

....., ngày..... tháng..... năm....
NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối tượng áp dụng: Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng....) được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài và đã thực hiện thủ tục đăng ký tài khoản ngoại tệ và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.

3. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản

4. Đơn vị nhận báo cáo: NHNN chi nhánh, tỉnh thành phố nơi Nhà đầu tư là tổ chức có trụ sở đăng ký kinh doanh hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 13/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2016
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng